

NGHIÊN CỨU NHU CẦU XÃ HỘI VỀ SỬ DỤNG CÁN BỘ VÀ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CÔNG VIỆC CỦA SINH VIÊN NGÀNH Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO SAU KHI RA TRƯỜNG

Trương Đức Thăng*

Tóm tắt:

Nhằm mục đích góp phần đổi mới nâng cao hiệu quả của chương trình đào tạo Ngành Y Sinh học TDTT, chúng tôi tiến hành tìm hiểu nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực Y sinh học TDTT và khả năng đáp ứng công việc của sinh viên ngành Y sinh học TDTT sau khi ra trường.

Từ khóa: Nhu cầu, cán bộ Y sinh học TDTT, sinh viên, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

RESEARCH ON SOCIAL DEMAND FOR USING STAFFS AND ABILITY TO MEET JOB REQUIREMENT OF SPORTS BIOMEDICAL STUDENTS AFTER GRADUATION.

Summary:

Under the goal of innovation and improvement of the Sports Biomedical training program effectiveness, we carry out a study on the social demand for the Sports Biomedical human resources and the ability to meet the job requirement of Sports Biomedical students after graduation.

Keywords: Demand, Sports Biomedical staffs, students, Bac Ninh Sport University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong giai đoạn hiện nay, để xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT) nhằm hướng tới các mục tiêu như hội nhập với thế giới, định hướng thực hành và xây dựng kỹ năng làm việc, ngành Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đưa ra các định hướng đổi mới CTĐT đại học theo hướng quốc tế hóa, cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết nhất cho sinh viên để sau khi tốt nghiệp có thể thực hiện được những công việc đầu tiên, cơ bản của ngành nghề được đào tạo. Vì vậy, nhiệm vụ đặt ra là vừa phải xây dựng được CTĐT theo tiêu chuẩn quốc tế, trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, lại vừa phù hợp với điều kiện của cơ sở đào tạo và năng lực người học.

Việc điều tra, nghiên cứu nhu cầu xã hội đối với nguồn nhân lực của ngành được đào tạo là công việc thường xuyên của các cơ sở đào tạo, từ đó hình thành những căn cứ để thay đổi

chương trình, kế hoạch tổ chức đào tạo. Kết quả đánh giá khả năng đáp ứng của sinh viên với yêu cầu xã hội trong thực tiễn công tác cũng là một nhiệm vụ quan trọng, là thông tin phản hồi trong đánh giá chất lượng của các cơ sở đào tạo. Xuất phát từ mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, việc nghiên cứu về nhu cầu xã hội đối với nguồn nhân lực y sinh học TDTT, cũng như khả năng đáp ứng của sinh viên sau khi ra trường là công việc thường xuyên, có tính cấp thiết đối với mỗi ngành đào tạo và cơ sở đào tạo.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp: Phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp phỏng vấn, tọa đàm và phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng nhu cầu xã hội về sử dụng cán bộ ngành Y sinh học TDTT

Với mục tiêu tìm hiểu thực trạng nhu cầu xã hội về sử dụng cán bộ ngành Y sinh học TDTT,

*ThS, Phó Trưởng khoa Y sinh học TDTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

chúng tôi tiến hành phỏng vấn 100 cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về TDTT, các đơn vị sự nghiệp TDTT tại các tỉnh, thành phố, các địa phương (Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Tổng cục Thể dục thể thao; các Trung tâm Thể dục thể thao các tỉnh, thành phố và các trường học).

Nội dung phỏng vấn được xem xét ở 03 mức độ:

Mức 1: Rất cần.

Mức 2: Cần.

Mức 3: Không cần.

Đối tượng tham gia phỏng vấn: Tổng số 100, trong đó:

- 25 cán bộ quản lý TDTT;

- 25 Huấn luyện viên;

- 25 giảng viên các cơ sở đào tạo cán bộ thể dục thể thao;

- 15 chuyên gia thuộc lĩnh vực TDTT;

- 10 giáo viên thuộc khối các trường phổ thông.

Kết quả được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn về nhu cầu xã hội sử dụng cán bộ Y sinh học TDTT ở Việt Nam hiện nay

TT	Đối tượng phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn					
		Rất cần		Cần		Không cần	
		n	%	n	%	n	%
1	Cán bộ quản lý tại các trung tâm TDTT (n = 25)	23	92	2	8	-	-
2	Huấn luyện viên TDTT (n = 25)	25	100	-	-	-	-
3	Giảng viên cơ sở đào tạo cán bộ TDTT (n = 25)	20	80	5	20	-	-
4	Các chuyên gia trong lĩnh vực TDTT (n = 15)	10	66,7	5	33,3	-	-
5	Giáo viên thể dục (10)	2	20	6	60	2	20

Qua bảng 1 cho thấy: Nhu cầu của xã hội về sử dụng cán bộ ngành Y sinh học TDTT hiện nay là rất cần thiết, đặc biệt là tại các trung tâm huấn luyện TDTT với 92% trả lời là rất cần thiết, nguồn nhân lực này góp phần nâng cao thành tích thể thao ở các địa phương, cũng như các đội tuyển.

2. Thực trạng khả năng đáp ứng công việc của sinh viên ngành Y sinh học TDTT sau khi ra trường

2.1. Lựa chọn tiêu chí đánh giá năng lực của cán bộ Y sinh học TDTT

Nhằm đánh giá khả năng đáp ứng công việc của sinh viên ngành Y sinh học TDTT sau khi ra trường, trước hết bằng phương pháp đọc và tham khảo tài liệu chúng tôi đã xác định và đề xuất 3 tiêu chuẩn với 23 tiêu chí đánh giá năng

lực chuyên môn của cán bộ ngành Y sinh học TDTT. Từ kết quả này chúng tôi tiến hành phỏng vấn 50 cán bộ quản lý, các huấn luyện viên tại các trung tâm huấn luyện TDTT và cán bộ quản lý, giảng viên và các chuyên gia TDTT ở các cơ quan chuyên TDTT để lựa chọn tiêu chí đánh giá năng lực chuyên môn đối với cán bộ Y sinh học TDTT sau khi ra trường. Kết quả được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá năng lực của cán bộ Y sinh học TDTT (n = 50)

TT	Các tiêu chuẩn và tiêu chí	Kết quả phỏng vấn					
		Rất cần		Cần		Không cần	
		n	%	n	%	n	%
Phẩm chất đạo đức chính trị							
1	Phẩm chất đạo đức và quan hệ quần chúng	25	50	15	30	10	20
2	Trách nhiệm trong chuyên môn cao	20	40	20	40	10	20
3	Tinh thần cầu tiên trong chuyên môn	15	30	30	60	5	10
4	Tác phong làm việc hiệu quả	12	24	28	46	10	20
5	Trách nhiệm với đồng nghiệp	9	18	30	60	11	22
6	Tuân thủ chủ trương của Đảng - pháp luật của Nhà nước	45	90	5	10	-	-
Kiến thức chung							
7	Năng lực làm việc độc lập	10	20	28	56	12	24
8	Năng lực làm việc nhóm	16	32	23	46	11	22
9	Năng lực lập kế hoạch hoạt động	13	26	25	50	12	24
10	Năng lực giao tiếp (đàm phán). Nhạy bén với môi trường làm việc thay đổi	11	22	28	56	11	22
11	Năng lực về tin học, ngoại ngữ	9	18	29	58	12	24
12	Năng lực nghiên cứu (cải tiến -sáng kiến)	12	24	27	54	11	22
13	Năng lực học tập ở bậc cao hơn	7	14	33	66	10	20
Năng lực chuyên môn về y sinh học TDTT							
14	Kỹ năng phòng ngừa chấn thương thể thao. Nhận biết và đánh giá được những chấn thương	40	80	10	20	-	-
15	Kỹ năng điều trị và chuẩn bị để điều trị được những chấn thương	35	70	10	20	5	10
16	Kỹ năng Hồi phục chức năng	40	80	10	20	-	-
17	Kỹ năng tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao			10	20	40	80
18	Kỹ năng tổ chức và điều hành những hoạt động y tế trong hoạt động TT	30	60	15	30	5	10
19	Kỹ năng kiểm tra đánh giá trình độ tập luyện và khả năng thích nghi với hoạt động TDTT	45	90	5	10	-	-
20	Kỹ năng giáo dục và cố vấn cho VĐV cũng như đội y học TDTT về chăm sóc sức khỏe và đề phòng các chấn thương, các bệnh thường gặp trong hoạt động TT	25	50	20	40	5	10
21	Kỹ năng tổ chức, quản lý phong trào TDTT cấp cơ sở	-	-	2	4	48	96
22	Kỹ năng tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học TDTT, tuyển chọn tài năng thể thao	5	10	35	70	10	20
23	Kỹ năng về giảng dạy các môn y sinh học TDTT	15	30	25	50	10	20

Qua bảng 2 cho thấy: Các tiêu chí đánh giá năng lực, kỹ năng nhận được số người trả lời với tỷ lệ trên 75% ở mức cần và rất cần, bao gồm:

- * Phẩm chất đạo đức chính trị
Bao gồm 6 tiêu chí (1 - 6)
- * Kiến thức chung
Bao gồm cả 7 tiêu chí (7 - 13)
- * Kỹ năng chuyên môn về y sinh học TDTT

Gồm 8 tiêu chí (14, 15, 16, 18, 19, 20, 22, 23).
Các tiêu chí đánh giá năng lực được lựa chọn (21 tiêu chí) sẽ được chúng tôi sử dụng làm tiêu chí đánh giá năng lực chuyên môn của cử nhân ngành Y sinh học TDTT sau khi ra trường. Đây cũng chính là những tiêu chí phản ánh hiệu quả của CTĐT và là căn cứ để phát triển CTĐT theo định hướng mới.

2.2. Nghiên cứu khả năng đáp ứng công việc của sinh viên ngành Y sinh học TDDT sau khi ra trường

Để đánh giá khả năng đáp ứng công việc chuyên môn của các sinh viên sau khi ra trường và tham gia công tác, trên cơ sở bộ tiêu chuẩn và tiêu chí đã lựa chọn chúng tôi tiến hành phỏng

vấn 20 đơn vị sử dụng lao động, đó là các cơ quan, các đội thể thao và các trường đại học đang sử dụng các cán bộ, giáo viên đã tốt nghiệp ngành Y sinh học TDDT từ năm 2011 đến nay. Kết quả đánh giá theo 5 mức: Tốt, giỏi, khá, trung bình, yếu, kém và được trình bày tại bảng 3.

Bảng 3. Kết quả phỏng vấn đánh giá khả năng đáp ứng công việc của sinh viên ngành Y sinh học TDDT sau khi tốt nghiệp (n=20)

TT	Nội dung phỏng vấn	Mức độ đạt được									
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
		TL	%	TL	%	TL	%	TL	%	TL	%
Phẩm chất đạo đức chính trị											
1	Phẩm chất đạo đức và quan hệ quần chúng	10	50	8	40	2	10				
2	Trách nhiệm trong chuyên môn cao			9	45	8	35	3	15		
3	Tinh thần cầu tiến trong chuyên môn	4	20	6	30	7	35	3	15		
4	Tác phong làm việc hiệu quả			12	60	7	35	1	5		
5	Trách nhiệm với đồng nghiệp	9	45	8	40	3	15				
6	Tuân thủ chủ trương - pháp luật của Nhà nước	18	90	2	10						
Kiến thức chung											
7	Năng lực làm việc độc lập			6	30	8	40	5	25	1	5
8	Năng lực làm việc nhóm					16	80	4	20		
9	Năng lực lập kế hoạch hoạt động			3	15	13	65	4	20		
10	Năng lực giao tiếp (đàm phán). Nhạy bén với môi trường làm việc thay đổi	11	55	4	20	5	25				
11	Năng lực về tin học, ngoại ngữ			5	25	10	50	3	15	2	10
12	Năng lực nghiên cứu (cải tiến -sáng kiến)			7	35	9	45	4	20		
13	Năng lực học tập ở bậc cao hơn	8	40	7	35	3	15	2	10		
Kỹ năng chuyên môn về y sinh học TDDT											
14	Kỹ năng phòng ngừa chấn thương thể thao. Nhận biết và đánh giá được những chấn thương			8	40	9	45	3	15		
15	Kỹ năng điều trị và chuẩn bị để điều trị được những chấn thương			6	30	12	60	2	10		
16	Kỹ năng Hồi phục chức năng	4	20	6	30	10	50				
17	Kỹ năng tổ chức và điều hành những hoạt động y tế trong hoạt động TT	2	10	12	60	4	20	2	10		
18	Kỹ năng kiểm tra đánh giá trình độ tập luyện và khả năng thích nghi với hoạt động TDDT	6	30	8	40	5	25	1	5		
19	Kỹ năng giáo dục và cố vấn cho VĐV cũng như đội y học TDDT về chăm sóc sức khoẻ và đề phòng các chấn thương,các bệnh thường gặp trong hoạt động TT	2	10	3	15	12	60	3	15		
20	Kỹ năng tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học TDDT, tuyển chọn tài năng thể thao	1	5	6	30	12	60	1	5		
21	Kỹ năng về giảng dạy các môn y sinh học TDDT	8	40	5	25	3	15	4	20		



Sinh viên ngành Y sinh học TDTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh khi ra trường đã đáp ứng phần nào công việc ở các cơ sở TDTT (Ảnh minh họa)

Qua bảng 3 cho thấy: Kết quả đánh giá khả năng làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Y sinh học TDTT tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh của các đơn vị đang sử dụng lao động được thể hiện ở các mặt sau:

* Phẩm chất đạo đức chính trị: Đa số sinh viên đều chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có quan hệ tốt với quần chúng và đồng nghiệp. Tuy nhiên còn hạn chế ở tác phong làm việc và trách nhiệm với công việc.

* Kiến thức chung: Sinh viên có khả năng thích ứng với công việc tốt. Tuy nhiên về năng lực độc lập hoạt động và năng lực hoạt động theo nhóm còn hạn chế, chứng tỏ sinh viên còn thụ động trong giải quyết công việc, đặc biệt trình độ ngoại ngữ và tin học chỉ đạt được ở mức trung bình.

* Năng lực chuyên môn về y sinh học TDTT: Kết quả đánh giá về mặt chuyên môn về Y sinh học TDTT được các nhà sử dụng lao động đánh giá tốt ở các kỹ năng thuộc phạm vi lý thuyết như năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trong khi kỹ năng thực hành thì còn hạn chế.

KẾT LUẬN

Nhu cầu xã hội trong việc sử dụng cán bộ Y sinh học TDTT là rất cần thiết với tỷ lệ trả lời 92% số người được hỏi. Điều đó chứng tỏ việc

định hướng đúng đắn của cơ sở đào tạo khi mở ngành Y sinh học TDTT.

Sinh viên ngành Y sinh học TDTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh khi ra trường đã đáp ứng phần nào công việc ở các cơ sở TDTT, tuy nhiên một số kỹ năng còn yếu như: Kỹ năng hoạt động nhóm, thụ động trong công việc, khả năng thực hành còn hạn chế đặc biệt là khả năng ngoại ngữ và tin học. Đây chính là cơ sở thực tiễn để chúng tôi đổi mới chương trình đào tạo cử nhân ngành Y sinh học TDTT tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phương Nga (2000), *Kết quả điều tra khảo sát chất lượng đào tạo tại một số trường đại học*, Đại học quốc gia, Hà Nội.
2. Dương Nghiệp Chí (1991), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

(Bài nộp ngày 23/5/2016, Phản biện ngày 27/5/2016, duyệt in ngày 5/6/2016)